

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNST

Ngày: 28/02/2022

Vv: “Xin ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Ngọc Tòng

2/Ông Lâm Tấn Phát

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không tham gia phiên tòa

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2021/TLST-HN ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 9/02/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Huỳnh N, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 1152/04 ấp H, xã N, B, Vĩnh Long.

* *Bị đơn:* Anh Trương Văn T sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 6, ấp H, xã N, huyện B, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nôi khởi kiện và bản khai đề ngày 25/11/2021 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị Huỳnh N trình bày:

Vào năm 2012, chị Lương Thị Huỳnh N và anh Trương Văn T cưới nhau, hôn nhân do mai mối, cha mẹ 02 bên đồng ý, nên anh chị có tổ chức lễ cưới, khi cưới bên chồng không có cho nữ trang cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06/12/2012 và được cấp chứng nhận kết hôn.

Sau khi cưới thì vợ chồng về sống tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm nên có 02 con chung tên Trương Anh V, sinh ngày 25/01/2013 và Trương Tấn L, sinh ngày 21/01/2018. Hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung và không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ Vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, do đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn về tiền bạc từ đó vợ chồng thường cãi vã với nhau đến mức trầm trọng, vợ chồng đã cố gắng khuyên bảo nhau rất nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, cho nên chị N và anh T đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, hiện tại mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương Anh V, sinh ngày 25/01/2013 và Trương Tấn L, sinh ngày 21/01/2018 hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu V và cháu L, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại biên bản hòa giải ngày 17/01/2022 anh Trương Văn T trình bày: Anh thống nhất với chị N về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, con chung. Anh T xác định anh và chị N không có mâu thuẫn gì hết, anh vẫn còn thương vợ thương con. Anh T muốn đoàn tụ không đồng ý ly hôn.

Trường hợp vợ chồng không đoàn tụ được thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương Anh V, sinh ngày 25/01/2013 và Trương Tấn L, sinh ngày 21/01/2018, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của chị Lương Thị Huỳnh N ngày 9/02/2022 là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Lương Thị Huỳnh N.

Xét Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên tòa xét xử. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, chị Lương Thị Huỳnh N và anh Trương Văn T cưới nhau, hôn nhân do mai mối, cha mẹ hai bên có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Thanh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06/12/2012 và được cấp chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị Lương Thị Huỳnh N và anh Trương Văn T thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn về tiền bạc từ đó vợ chồng thường cãi vã với nhau đến mức trầm trọng, dẫn đến không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị Như không còn mong muốn cùng anh T xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị N cương quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị N là có cơ sở nên áp dụng vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Huỳnh N. Chị Lương Thị Huỳnh N được ly hôn anh Trương Văn T.

[4] Xét về con chung: Chị Lương Thị Huỳnh N và anh Trương Văn T. chung sống với nhau có sinh được 2 con chung tên Trương Anh V, sinh ngày 25/01/2013 và Trương Tấn L, sinh ngày 21/01/2018. Hiện đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị N đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V và cháu L. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của 2 cháu không bị thay đổi nên để chị N tiếp tục nuôi con chung và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và không trái pháp luật. Xét yêu cầu của chị Lương Thị Huỳnh N là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Huỳnh N. Chị Lương Thị Huỳnh N được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung tên Trương Anh V, sinh ngày 25/01/2013 và Trương Tấn L, sinh ngày 21/01/2018, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn T được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Lương Thị Huỳnh N và anh Trương Văn T không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Lương Thị Huỳnh N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013324 ngày 25/11/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Huỳnh N.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Huỳnh N được ly hôn anh Trương Văn T.

2/Về con chung: Chị Lương Thị Huỳnh N được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung tên Trương Anh V, sinh ngày 25/01/2013 và Trương Tấn L, sinh ngày 21/01/2018, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn T được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Lương Thị Huỳnh N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013324 ngày 25/11/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Nguyên đơn chị Lương Thị Huỳnh N và bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Nguyễn Văn Thành,
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tự